



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch
Ông Lê Doãn Long	Thành viên
Ông Lê Duy Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị,



**Lê Doãn Long**

**Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị**

*Ngày 15 tháng 3 năm 2019*

TR  
E  
2019



Số: 640 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Đức Nguyên**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0764-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 3 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Nguyễn Tiến Quốc, written over a horizontal line.

**Nguyễn Tiến Quốc**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3008-2019-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>56.312.419.626</b>	<b>38.233.341.201</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>29.463.870.096</b>	<b>13.888.158.728</b>
1. Tiền	111		28.463.870.096	5.888.158.728
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	8.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.941.925.359</b>	<b>21.667.575.423</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	22.665.795.124	22.068.542.525
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.508.165.962	237.310.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	743.855.424	506.329.180
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(975.891.151)	(1.144.606.282)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.863.945.871</b>	<b>2.129.596.739</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.863.945.871	2.129.596.739
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.678.300</b>	<b>548.010.311</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	506.565.332
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	42.678.300	41.444.979
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>200.358.719.081</b>	<b>217.866.318.476</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>181.634.003.839</b>	<b>203.180.450.435</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	181.429.475.139	202.896.749.335
- Nguyên giá	222		503.831.331.663	495.891.573.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(322.401.856.524)	(292.994.823.709)
2. Tài sản cố định vô hình	227		204.528.700	283.701.100
- Nguyên giá	228		395.862.000	395.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(191.333.300)	(112.160.900)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>90.000.000</b>	<b>49.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		90.000.000	49.000.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.860.000.000</b>	<b>4.860.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	10	4.860.000.000	4.860.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.774.715.242</b>	<b>9.776.868.041</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.774.715.242	9.776.868.041
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>256.671.138.707</b>	<b>256.099.659.677</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.861.444.426</b>	<b>19.826.775.276</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.861.444.426</b>	<b>19.826.775.276</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.783.749.676	3.375.659.075
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		212.745.647	35.672.585
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.379.392.813	888.177.408
4. Phải trả người lao động	314		11.051.827.377	11.794.558.028
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.581.619.688	2.500.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.594.648.447	1.206.034.420
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.257.460.778	26.673.760
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>231.809.694.281</b>	<b>236.272.884.401</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>231.809.694.281</b>	<b>236.272.884.401</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.637.694.281	21.100.884.401
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		553.232.401	159.059.330
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		16.084.461.880	20.941.825.071
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>256.671.138.707</b>	<b>256.099.659.677</b>

**Nguyễn Thị Thanh Hồng**  
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

  
**Nguyễn Xuân Hùng**  
Kế toán trưởng  
**Lê Doãn Long**  
Tổng Giám đốc/  
Thành viên Hội đồng  
Quản trị

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>174.730.397.825</b>	<b>165.843.481.765</b>
<b>2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>174.730.397.825</b>	<b>165.843.481.765</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	21	140.443.514.891	124.712.028.677
<b>4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>34.286.882.934</b>	<b>41.131.453.088</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.453.204.111	2.092.778.604
6. Chi phí tài chính	22		84.315.222	637.165.606
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		56.090.813	419.831.703
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	17.627.094.935	17.947.303.655
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)</b>	<b>30</b>		<b>18.028.676.888</b>	<b>24.639.762.431</b>
9. Thu nhập khác	31	23	2.221.684.390	1.573.794.045
10. Chi phí khác	32		171.504.486	161.879.026
<b>11. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.050.179.904</b>	<b>1.411.915.019</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>20.078.856.792</b>	<b>26.051.677.450</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	3.994.394.912	5.109.852.379
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>16.084.461.880</b>	<b>20.941.825.071</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>26</b>	<b>748</b>	<b>818</b>

**Nguyễn Thị Thanh Hồng**  
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

**Nguyễn Xuân Hùng**  
Kế toán trưởng



**Lê Doãn Long**  
Tổng Giám đốc/  
Thành viên Hội đồng  
Quản trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>20.078.856.792</b>	<b>26.051.677.450</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.556.614.394	31.509.570.946
Các khoản dự phòng	03	(168.715.131)	703.947.179
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.646.092.751)	(2.092.778.604)
Chi phí lãi vay	06	56.090.813	419.831.703
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước</b>	<b>08</b>	<b>48.876.754.117</b>	<b>56.592.248.674</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.074.868.126)	1.661.599.042
Tăng hàng tồn kho	10	(734.349.132)	(5.390.596)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.810.934.692	(3.245.310.209)
Tăng chi phí trả trước	12	(3.491.281.869)	(198.032.273)
Tiền lãi vay đã trả	14	(56.090.813)	(419.831.703)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.042.447.472)	(6.487.781.317)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.103.104.982)	(2.889.093.545)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>41.185.546.415</b>	<b>45.008.408.073</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.042.167.798)	(90.639.476.594)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.192.888.640	1.803.355.550
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(46.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	75.715.528.893
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.453.204.111	2.092.778.604
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.396.075.047)</b>	<b>(57.027.813.547)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.194.656.218	22.742.829.255
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.194.656.218)	(22.742.829.255)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.213.760.000)	(18.730.494.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.213.760.000)</b>	<b>(18.730.494.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>15.575.711.368</b>	<b>(30.749.899.474)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>13.888.158.728</b>	<b>44.638.058.202</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>29.463.870.096</b>	<b>13.888.158.728</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

  
Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng

  
Lê Doãn Long  
Tổng Giám đốc/  
Thành viên Hội đồng  
Quản trị





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 215.172.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 504 (31 tháng 12 năm 2017: 503).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hoá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

31  
07  
NH  
:L  
ỆT  
ĐA



**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An, Việt Nam	36	36	Cung cấp dịch vụ lai dắt và dịch vụ hàng hải

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2018</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	05 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản khác	03 - 10

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí tư vấn, nạo vét được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	134.683.243	481.972.222
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.329.186.853	5.406.186.506
Các khoản tương đương tiền (i)	1.000.000.000	8.000.000.000
	<b><u>29.463.870.096</u></b>	<b><u>13.888.158.728</u></b>

- (i) Tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Công ty Cổ phần Nhật Việt	7.036.094.867	3.601.938.325
- Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Đại Tây Dương)	2.314.501.678	1.093.128.106
- Công ty Cổ phần khoáng sản Namico	1.022.777.590	1.094.953.836
- Công ty Cổ phần Vận tải 1 TRACO	1.293.866.109	1.605.360.646
- Công ty Vận tải Quốc tế Mê Kông	1.734.454.990	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.264.099.890	14.673.161.612
	<b>22.665.795.124</b>	<b>22.068.542.525</b>
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
- (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	81.952.110	82.745.228
	<b>81.952.110</b>	<b>82.745.228</b>

**6. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối năm</u> VND			<u>Số đầu năm</u> VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian
Công ty TNHH Bắc Sơn	289.444.738	-	Trên 3 năm	429.444.738	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Ánh Dương	132.306.698	-	Trên 3 năm	132.306.698	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	554.139.715	-	Trên 3 năm	604.139.715	21.284.869	Từ 2 - 3 năm
	<b>975.891.151</b>	-	-	<b>1.165.891.151</b>	<b>21.284.869</b>	-

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng THT	1.032.000.000.	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Trần	240.240.000	-
Các nhà cung cấp khác	235.925.962	237.310.000
	<b>1.508.165.962</b>	<b>237.310.000</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	5.066.667	11.716.667
- Chi phí khấu phục sự cố (i)	374.344.489	374.344.489
- Phải thu khác	364.444.268	120.268.024
	<b>743.855.424</b>	<b>506.329.180</b>



- (i) Phản ánh số tiền dự kiến được bồi thường từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội liên quan tới sự cố gây cần cầu chân đế số 1 Xí nghiệp xây dựng Cửa Lò theo Công văn số 1027/2017/CV-BSH-QLNV II ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc phương án giải quyết tổn thất cần trục của Công ty tại Cảng Cửa Lò.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.518.619.113	-	1.812.525.460	-
Công cụ, dụng cụ	345.326.758	-	317.071.279	-
	<b>2.863.945.871</b>	<b>-</b>	<b>2.129.596.739</b>	<b>-</b>

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i)	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-

- (i) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với tỷ lệ sở hữu 36% tương đương số tiền 4.860.000.000 VND thông qua ba hình thức góp vốn bằng tiền mặt, hàng hóa và tài sản theo Giấy chứng nhận phần vốn góp ngày 23 tháng 5 năm 2016. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là kinh doanh dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu biển ra vào Cảng Cửa Lò.

**Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên kết trong năm:**

<b>Công ty liên kết</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 27.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí tư vấn và nạo vét vũng đậu tàu	6.349.775.809	7.205.925.349
- Chi phí sửa chữa bãi sau cầu 4 Cảng Cửa Lò	3.759.452.938	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.665.486.495	2.570.942.692
	<b>13.774.715.242</b>	<b>9.776.868.041</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp /thu trong năm	Số đã thực nộp /thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	41.444.979	286.537.614	285.304.293	42.678.300
	<b>41.444.979</b>	<b>286.537.614</b>	<b>285.304.293</b>	<b>42.678.300</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	855.071.314	13.591.959.317	14.052.691.352	394.339.279
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.106.094	3.994.394.912	3.042.447.472	985.053.534
	<b>888.177.408</b>	<b>17.586.354.229</b>	<b>17.095.138.824</b>	<b>1.379.392.813</b>

300  
 TY  
 HỮU  
 TTI  
 IAN  
 P. P.



**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Thiết bị văn phòng		Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn		Khác		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Số dư đầu năm	294.332.941.357	91.041.815.668	381.781.818	100.799.429.113			9.335.605.088	495.891.573.044			
Mua sắm mới	-	260.286.000	251.854.545	9.139.681.818			358.345.435	10.010.167.798			
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.970.087.972)			(100.321.207)	(2.070.409.179)			
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>294.332.941.357</b>	<b>91.302.101.668</b>	<b>633.636.363</b>	<b>107.969.022.959</b>			<b>9.593.629.316</b>	<b>503.831.331.663</b>			
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>											
Số dư đầu năm	211.015.034.588	10.026.729.188	212.830.752	67.922.705.278			3.817.523.903	292.994.823.709			
Khấu hao trong năm	15.688.945.664	4.989.602.465	59.581.224	9.711.823.185			1.027.489.456	31.477.441.994			
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.970.087.972)			(100.321.207)	(2.070.409.179)			
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>226.703.980.252</b>	<b>15.016.331.653</b>	<b>272.411.976</b>	<b>75.664.440.491</b>			<b>4.744.692.152</b>	<b>322.401.856.524</b>			
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Tại ngày đầu năm	83.317.906.769	81.015.086.480	168.951.066	32.876.723.835			5.518.081.185	202.896.749.335			
Tại ngày cuối năm	67.628.961.105	76.285.770.015	361.224.387	32.304.582.468			4.848.937.164	181.429.475.139			

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của Tài sản cố định Hữu hình bao gồm các Tài sản cố định Hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị: 70.033.384.233 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 30.384.855.249 VND).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Giá trị	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
		Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	4.254.400.700	4.254.400.700	2.236.835.700
- Công ty TNHH Vận tải biển Bạch Đằng	2.032.552.500	2.032.552.500	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	496.796.476	496.796.476	1.138.823.375
	<b>6.783.749.676</b>	<b>6.783.749.676</b>	<b>3.375.659.075</b>
			<b>3.375.659.075</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản trích trước khác	81.619.688	-
	<b>2.581.619.688</b>	<b>2.500.000.000</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp	168.198.732	4.502.225
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.426.449.715	1.201.532.195
	<b>1.594.648.447</b>	<b>1.206.034.420</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.172.000.000	19.922.319.479	235.094.319.479
Lợi nhuận trong năm	-	20.941.825.071	20.941.825.071
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.979.844.149)	(2.979.844.149)
Chi trả cổ tức	-	(16.783.416.000)	(16.783.416.000)
Số dư đầu năm nay	<b>215.172.000.000</b>	<b>21.100.884.401</b>	<b>236.272.884.401</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	16.084.461.880	16.084.461.880
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	(3.333.892.000)	(3.333.892.000)
Chi trả cổ tức	-	(17.213.760.000)	(17.213.760.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>16.637.694.281</b>	<b>231.809.694.281</b>



- (i) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và công bố chi trả cổ tức 800 VND/cổ phiếu trên mỗi cổ phiếu theo Nghị quyết số 01-18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu năm</b> <b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.517.200	21.517.200
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.517.200</i>	<i>21.517.200</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.517.200</i>	<i>21.517.200</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	1.124.457	543

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ Bốc xếp hàng hóa. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

**20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>a. Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	159.365.240.444	149.007.654.788
- Doanh thu tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	15.365.157.381	16.835.826.977
	<u>174.730.397.825</u>	<u>165.843.481.765</u>
<b>b. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</b>		
- (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	248.898.500	250.547.968
	<u>248.898.500</u>	<u>250.547.968</u>

**21. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Giá vốn tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	126.492.434.788	110.268.876.599
Giá vốn tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	13.951.080.103	14.443.152.078
	<u>140.443.514.891</u>	<u>124.712.028.677</u>

12  
V  
H  
O  
T  
T

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.616.717.173	17.499.222.624
Chi phí nhân công	61.113.625.262	62.533.403.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.556.614.394	31.509.570.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.270.476.483	19.623.722.008
Chi phí khác bằng tiền	9.513.176.514	10.789.466.212
	<b>158.070.609.826</b>	<b>141.955.385.153</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Tiền phạt thu được	12.427.500	30.000.000
Các khoản khác	2.209.256.890	1.543.794.045
	<b>2.221.684.390</b>	<b>1.573.794.045</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.734.906.120	7.768.850.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	790.014.180	730.744.417
Chi phí dự phòng	(168.715.131)	769.732.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.831.747.061	1.308.760.843
Chi phí bằng tiền khác	6.977.534.271	6.541.582.032
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	461.608.434	827.633.259
	<b>17.627.094.935</b>	<b>17.947.303.655</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.899.254.352	5.109.852.379
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	95.140.560	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.994.394.912</b>	<b>5.109.852.379</b>



	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	20.078.856.792	26.051.677.450
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	(891.454.846)	(619.665.400)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	308.869.814	117.249.845
<i>Chuyển lỗ</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.496.271.760	25.549.261.895
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	19.496.271.760	25.549.261.895
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>3.899.254.352</b>	<b>5.109.852.379</b>

## 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>16.084.461.880</b>	<b>20.941.825.071</b>
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	(3.333.892.000)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>16.084.461.880</b>	<b>17.607.933.071</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	21.517.000	21.517.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>748</b>	<b>818</b>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 ngày 08 tháng 5 năm 2018 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2017, cụ thể như sau:

	<u>2017</u> Số đã báo cáo VND	<u>2017</u> Số trình bày lại VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20.941.825.071</b>	<b>20.941.825.071</b>
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(3.769.528.513)	(3.333.892.000)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>17.172.296.558</b>	<b>17.607.933.071</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	21.517.000	21.517.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>798</b>	<b>818</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2018, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm 2018 sẽ giảm đi tương ứng.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Lai dặt và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:**

**Giao dịch với bên liên quan**


	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Lai dặt và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò</b>		
Cung cấp dịch vụ	248.898.500	250.547.968
Nhận cổ tức	891.454.846	619.665.400
<b>Trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	8.779.017.600	8.559.542.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.115.324.800	4.984.519.680

**Số dư với bên liên quan**

	<b>Số cuối năm</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu năm</b> <b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Lai dặt và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	81.952.110	52.792.228
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	29.953.000

**Thu nhập của Ban Giám đốc**


	<b>Số cuối năm</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu năm</b> <b>VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.055.566.000	1.164.160.000

  
**Nguyễn Thị Thanh Hồng**  
 Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

  
**Nguyễn Xuân Hùng**  
 Kế toán trưởng



  
**Lê Doãn Long**  
 Tổng Giám đốc/  
 Thành viên Hội đồng  
 Quản trị